

**Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST.**

**Ngày 18/4/2019.**

*V/v: Tranh chấp HN&GD:*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tướng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Quý**

2. Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/4/2019 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị N**, sinh năm 1978. Đăng ký HKTT: Thôn An Thượng, xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Hiện cư trú tại: Thôn Kỳ Viên, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

**2. Bị đơn: Anh Trần Kim T**, sinh năm 1985. Đăng ký HKTT và cư trú: Thôn An Thượng, xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện xin và các bản tự khai của chị Đào Thị N trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Trần Kim T, sinh năm 1985 tại UBND xã Thượng Vực vào ngày 10/4/2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng về ở trên nhà đất của bố mẹ đẻ anh T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn bất hòa xuất phát từ việc quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, anh T không chăm lo đến vợ con, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

**Về con chung:** Có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 22/3/2017 hiện đang ở cùng chị N. Nếu được ly hôn chị xin nuôi cháu Vân A, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Kim T xác nhận và trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị Đào Thị N, sinh năm 1978 tại UBND xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ vào ngày 10/4/2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng về ở trên nhà đất của bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn bất hòa xuất phát từ việc quan điểm sống, lối sống. Cuối năm 2017 thì cô N bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh đồng ý.

**Về con chung:** Có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 22/3/2017 hiện đang ở cùng chị N. Nếu ly hôn anh nhất trí giao cháu Vân A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

**Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và xin được nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do anh T không có mặt tại phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Về hôn nhân xử chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Vân A cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Chị N phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị N đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh T trên cơ sở có tình cảm, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 22/3/2017, hiện đang ở cùng chị N; khi ly hôn chị N xin được nuôi cháu Vân A, xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử thấy cháu Vân A còn nhỏ nên cần phải sự chăm sóc của người mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Vân A cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu khác. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị N, anh T đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Đào Thị N được ly hôn anh Trần Kim T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 22/3/2017 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Anh T có quyền thăm non con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003695 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Tưởng Ngọc Tuấn***